TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26-11-2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Hồng Thạnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Trọng Lâm**

Ông **Lê Dũng Phương**

Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Xuân Hồng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Đại diện VKSND huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Văn Luật** – Kiển sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án thụ lý số 369/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018, tranh chấp về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị K** – sinh năm 1988

Bị đơn: Anh **Phan Minh N** – sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: Số nhà 07, Tổ 6, Ấp NL1, xã PX, huyện TP, tỉnh ĐN.

(Chị K có mặt; Anh N vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/8/2018, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị K trình bày:

- Về quan hệ hôn N: Chị và anh Phan Minh N tự nguyện kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân xã Phú Xuân, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 61/2007 ngày 23/7/2007. Vợ chồng

sống chung hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên N do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, anh N không quan tâm chăm lo cho gia đình. Tháng 10 năm 2014, chị đã làm đơn xin ly hôn với anh N, sau khi được Tòa án hòa giải nên chị đã rút Đơn khởi kiện và vợ chồng về sống đoàn tụ với nhau. Tuy nhiên, từ đó cho đến nay anh N vẫn không thay đổi. Từ tháng 8 năm 2018 cho đến nay, chị và anh N không còn sống chung với nhau, mỗi người sinh sống mỗi nơi, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn anh N.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Phan Nguyễn Minh N – sinh ngày 23/7/2008 và Phan Nguyễn Ngọc M – sinh ngày 25/01/2012. Hiện nay, các con chung do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung: Chị K kê khai không có.

- Nợ chung: Chị K kê khai không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh N, yêu cầu anh N đến Tòa án làm việc nhưng anh vẫn không đến Tòa án làm việc. Vì vậy, không có lời khai của anh Phan Minh N.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị K cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: Đơn khởi kiện; chứng minh nhân dân chị K (bản sao); sổ hộ khẩu của chị N và anh K (bản sao); trích lục kết hôn (bản sao); trích lục khai sinh của con chung (bản sao).

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Bản tự khai của nguyên đơn; biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân; đơn và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập đã được thông báo cho các đương sự; Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho anh N.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị K, cho chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Phan Minh N.

+ Về con chung: Giao 02 con chung tên là Phan Nguyễn Minh N – sinh ngày 23/7/2008 và Phan Nguyễn Ngọc M – sinh ngày 25/01/2012 cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh N.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

+ Về án phí: Chị K phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Chị K có đơn khởi kiện ly hôn với anh N, tranh chấp về việc nuôi con khi ly hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" và xác định chị K là N đơn, anh N là bị đơn.

[1.2] Bị đơn có nơi cư trú tại Ấp NL1, xã PX, huyện TP, tỉnh ĐN. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án.

[1.3] Anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị K và anh N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Phú Xuân, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 23/7/2007. Đây là hôn nhân hợp pháp, nay chị K yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh N đến Tòa án để hòa giải nhưng anh N không đến Tòa án nên không có ý kiến của anh N về quan hệ hôn nhân. Tuy nhiên, căn cứ vào kết quả xác minh thực tế tại địa phương có cơ sở xác định: Trong quá trình sống chung giữa chị K và anh N phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng sống chung không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, từ tháng 8 năm 2018 cho đến nay, vợ chồng không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau.

Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, để chị K, anh N có điều kiện ổn định cuộc sống của mình, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình,

Hội đồng xét xử chấp chận yêu cầu của chị Nguyễn Thị K, cho chị K được ly hôn với anh Phan Minh N.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Phan Nguyễn Minh N – sinh ngày 23/7/2008 và Phan Nguyễn Ngọc M – sinh ngày 25/01/2012. Khi ly hôn, chị K có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Qua xác minh thực tế hiện nay chị K là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con chung. Bản thân anh N không có nghề nghiệp ổn định và thường xuyên vắng mặt tại địa phương. Ngoài ra, cháu N có nguyện vọng sống với chị K. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao 02 con chung tên là Phan Nguyễn Minh N – sinh ngày 23/7/2008 và Phan Nguyễn Ngọc M – sinh ngày 25/01/2012 cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh N do chị K không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Do vắng mặt anh N nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

[3] Về án phí: Chị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị K.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Phan Minh N.

- *Về con chung:* Chị K và anh N có 02 con chung tên là Phan Nguyễn Minh N – sinh ngày 23/7/2008 và Phan Nguyễn Ngọc M – sinh ngày 25/01/2012. Giao 02 con chung tên là Phan Nguyễn Minh N và Phan Nguyễn Ngọc M cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời, anh Phan Minh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N có quyền qua lại thăm nom,

chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung, các bên đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

2/ *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị K đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 007377 ngày 27/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Chị K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án. Anh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú Xuân, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai: Để ghi vào sổ hộ tịch (Giấy chứng nhận kết hôn số 61/2007, cấp ngày 23/7/2007);
- Lưu HS – LT.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Hồng Thạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM N DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Dũng Phương Nguyễn Trọng Lâm Phan Hồng Thạnh